



**10. Quá trình đào tạo:**

| <i>Bậc đào tạo</i> | <i>Thời gian</i> | <i>Nơi đào tạo</i>  | <i>Chuyên ngành</i>  | <i>Tên luận án tốt nghiệp</i>   |
|--------------------|------------------|---------------------|----------------------|---|
| Đại học            | 1991             | ĐHBK Tp.HCM         | Hóa học và thực phẩm | Thiết kế dây truyền SX bánh tráng tự động   |
| Thạc sỹ            | 1995             | ĐHBK Tp.HCM         | KTMT                 | N/c các quá trình trong xử lý nước ngầm nhiễm sắt - Ứng dụng để triển khai xử lý cấp nước cho vùng nông thôn ngoại thành Tp.HCM |
| Thạc sỹ            | 1999             | EPFL<br>Switzerland | -<br>KHMT            | PAHs Contamination Levels in Air Particles and Sediments of Hochiminh City, Vietnam   |
| Tiến sỹ            | 2006             | EPFL<br>Switzerland | -<br>KHMT            | Sources and Fate of PCDDs and PCDFs in Rural and Urban Ecosystems and Food Chain in Southern Vietnam                            |
| Tiến sỹ Khoa học   |                  |                     |                      |   |

**11. Các lĩnh vực chuyên môn và hướng nghiên cứu**

*11.1 Lĩnh vực chuyên môn: Khoa học và công nghệ Môi trường*

- **Lĩnh vực: Môi trường**
- **Chuyên ngành: công nghệ môi trường**
- **Chuyên môn: Phân tích – đánh giá chất lượng môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường**

*11.2 Hướng nghiên cứu:*

1. Nghiên cứu các công nghệ thích hợp xử lý nước cấp cho sinh hoạt và công nghiệp (chú trọng các giải pháp khử sắt, khử nitrate, khử khoáng, khử mặn);
2. Nghiên cứu công nghệ oxy hóa bậc cao trong xử lý nước thải (đặc biệt các loại nước thải khó phân hủy và có nồng độ ô nhiễm cao);
3. Nghiên cứu công nghệ xử lý nước thải, đặc biệt là các công nghệ lai hợp (hybrid) và công nghệ sinh thái;
4. Nghiên cứu các giải pháp tái chế, thu hồi chất thải;
5. Nghiên cứu tồn dư và lan truyền của các độc chất (POPs, KLN, TBVT, vv...) trong các thành phần môi trường và các giải pháp kiểm soát.

**II. NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY**

**1. Đề tài/dự án**

| <i>TT</i> | <i>Tên đề tài/dự án</i>  | <i>Mã số &amp; cấp quản lý</i> | <i>Thời gian thực hiện</i> | <i>Kinh phí (triệu đồng)</i> | <i>Chủ nhiệm /Tham gia</i> | <i>Ngày nghiệm thu</i> | <i>Kết quả</i> |
|-----------|--|--------------------------------|----------------------------|------------------------------|----------------------------|------------------------|----------------|
|           | <b>Các đề tài/dự án làm chủ nhiệm</b>  |                                |                            |                              |                            |                        |                |
| 1         | Nghiên cứu ứng dụng thí điểm công nghệ thâm nôi/đào nôi phục hồi một số ao, hồ/kênh, rạch bị ô nhiễm trên địa bàn huyện Bình Chánh, TP.HCM | B2011-24-01<br>Cấp bộ (ĐHQG)   | 2011-2012                  |                              | CN                         | 4/2012                 | Khá            |
| 2         | Dự án: Quan trắc, phân tích chất lượng môi trường tại các điểm đã thu gom, xử lý chất độc hóa học sau chiến tranh trên                     | Dự án cấp tỉnh Đak Nông        | 2008-2010                  |                              | CN                         | 2010                   | Khá            |

|                                       |   |  |           |  |    |      |            |
|---------------------------------------|---|--|-----------|--|----|------|------------|
|                                       | địa bàn tỉnh Đắk Nông. Giai đoạn 2008 – 2010  |  |           |  |    |      |            |
| 3                                     | Nhiệm vụ: Xây dựng mạng lưới quan trắc định kỳ hàng năm, thực hiện quan trắc và lập báo cáo về hiện trạng ô nhiễm, lan truyền và tích tụ chất độc hóa học /dioxin vùng phụ cận sân bay Biên Hòa năm 2009. Đề xuất các giải pháp khắc phục | Nhiệm vụ cấp tỉnh Đồng Nai   | 2009-2010 |  | CN | 2010 | Khá        |
| 4                                     | Nghiên cứu xây dựng qui trình thích hợp phân tích Dioxin – Ứng dụng phân tích hàm lượng Dioxin trong một số mẫu từ các nguồn phát thải khác nhau.   | B 2003-24-09 TĐ Cấp bộ TĐ (ĐHQG)   | 2003-2004 |  | CN | 2004 | Khá        |
| 5                                     | Institutional strengthening and capacity building for integrated management in the Dongnai River Basin toward the sustainable development   | Đề tài hợp tác với EPFL – Thụy Sĩ (Seed – money project 2009)                        | 2009-2010 |  | CN | 2010 | Hoàn tất   |
| 6                                     | Nghiên cứu mức độ ô nhiễm PAHs trong bùn lắng và bụi không khí tại Tp.HCM – đề xuất một số giải pháp khắc phục.   | B99-24-07 Cấp bộ (ĐHQG)  | 1999-2000 |  | CN | 2001 | Tốt        |
| 7                                     | Nghiên cứu mức độ ô nhiễm phenol và các dẫn xuất chlorophenol trong nước thải giấy và bột giấy – đề xuất các giải pháp khắc phục.   | B2000-24-17  | 2000-2001 |  | CN | 2002 | Khá        |
| <b>Các đề tài/dự án làm điều phối</b> |   |  |           |  |    |      |            |
| 8                                     | Research on Saigon-Dongnai River System (pollutan sources: wastewater and agricultural waste)   | Pilot Project – Đề tài hợp tác với EPFL - Thụy Sĩ                                    | 1996-2000 |  | ĐP | 2000 | Hoàn thành |
| 9                                     | N/C cơ sở khoa học đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo an toàn môi trường vùng nuôi tôm ven biển đồng bằng sông Cửu Long.  | B2001-24-01TĐ Cấp bộ TĐ (ĐHQG)   | 2001-2002 |  | ĐP | 2002 | Khá        |
| 10                                    | Điều tra đánh giá hiện trạng môi trường và đề xuất giải pháp xử lý ô nhiễm môi trường ở quận 8 TP.HCM, phục vụ định hướng phát triển kinh tế xã hội trong tình hình phát triển đô thị.  | Đề tài cấp Tp.HCM  | 1997-1999 |  | ĐP | 2000 | Khá        |
| 11                                    | Water Quality Monitoring of Tan Hoa – Lo Gom Canal  | Dự án: Feasibility study on sanitation and urban upgrading of Tan Hoa – Lo Gom Canal | 2001-2002 |  | ĐP | 2002 | Hoàn tất   |
| 12                                    | Triển khai kế hoạch bảo vệ môi trường sông Thị Vải  | Dự án trong Chương trình   | 2006-2007 |  | ĐP | 2007 | Khá        |

|                                  |   |                                |           |  |    |      |          |
|----------------------------------|---|--------------------------------|-----------|--|----|------|----------|
|                                  |   | Semla – tỉnh BR-VT             |           |  |    |      |          |
| 13                               | Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường các cơ sở sau thẩm định báo cáo ĐTM ở khu vực Đông Nam Bộ và đề xuất giải pháp quản lý                              | Nhiệm vụ Cục bảo vệ môi trường | 2007      |  | ĐP | 2007 | Tốt      |
| <b>Các đề tài/dự án tham gia</b> |   |                                |           |  |    |      |          |
| 14                               | Xây dựng và áp dụng một số QTCN điển hình để xử lý ô nhiễm nước, khí tại một số cơ sở và KCN các tỉnh phía nam  | KT.02.04, Đề tài cấp NN        | 1992-1995 |  | TG | 1995 | Xuất sắc |
| 15                               | Nghiên cứu cấp nước sạch cho nông thôn ngoại thành TPHCM  | Đề tài cấp Tp.HCM              | 1994-1996 |  | TG | 1996 | Xuất sắc |
| 16                               | Nghiên cứu thành phần & tính chất nước thải đô thị phục vụ quy hoạch thoát nước & xử lý nước thải đô thị  | Đề tài cấp Tp.HCM              | 1998-1999 |  | TG | 2000 | Xuất sắc |
| 17                               | Nghiên cứu các biện pháp đảm bảo môi trường trong hoạt động nạo vét, vận chuyển và đổ bùn của các hệ thống kênh rạch TPHCM – Xử lý và tận dụng bùn lắng | Đề tài cấp Tp.HCM              | 1999-2000 |  | TG | 2000 | Xuất sắc |
| 18                               | Nghiên cứu và đề xuất một số chỉ tiêu độc học sinh thái cho vùng cửa sông Sài Gòn – Đồng Nai phục vụ cho công tác quản lý tổng hợp môi trường nước.     | Đề tài cấp Tp.HCM              | 2001-2002 |  | TG | 2002 | Khá      |
| 19                               | Ứng dụng kinh tế môi trường để nghiên cứu và đánh giá diễn biến tài nguyên môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở vùng KTTĐPN.        | KC 08.08 Đề tài cấp NN         | 2001-2003 |  | TG | 2004 | Xuất sắc |
| 20                               | Điều tra khảo sát đánh giá hiện trạng ô nhiễm môi trường và đề xuất các biện pháp khống chế ô nhiễm, bảo vệ chất lượng nước rạch Tây Ninh               | Đề tài cấp tỉnh Tây Ninh       | 2002-2003 |  | TG | 2004 | Khá      |
| 21                               | Nghiên cứu đề xuất mô hình khả thi và thích hợp tổ chức điều phối thực hiện đề án bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai                      | Đề tài cấp Tp.HCM              | 2006      |  | TG | 2006 | Khá      |
| 22                               | Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn phục vụ cho xây dựng quy hoạch tổng thể môi trường TPHCM đến năm 2010 hướng đến 2020                             | Đề tài cấp Tp.HCM              | 2006      |  | TG | 2006 | Khá      |
| 23                               | Định hướng chiến lược N/c của ĐHQG-HCM về bảo vệ môi trường đến 2010 và định hướng đến 2020   | Dự thảo đề án – ĐHQG_HCM       | 2006      |  | TG | 2006 | Tốt      |
| 24                               | Điều tra đánh giá hiện trạng nạn nhân chất độc da cam/dioxin trên địa bàn tỉnh Long An  | Đề tài cấp tỉnh Long An        | 2010-1012 |  | TG | 2012 | Xuất sắc |

Ghi chú: CN: chủ nhiệm; DP: điều phối; TG: tham gia

## 2. Hướng dẫn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh

| TT                       | Tên SV, HVCH, NCS | Tên luận án                              | Năm tốt nghiệp | Bậc đào tạo | Sản phẩm của đề tài/dự án (chỉ ghi mã số) |
|--------------------------|-------------------|--|----------------|-------------|---|
| <b>Hướng dẫn đại học</b> |                   |  |                |             |   |
| 1                        | Đỗ thị Ngọc Anh   | Đánh giá hiệu quả hoạt động tái sinh tái | 2007           | Đại học     |   |

|    |                        |   |      |         |  |
|----|------------------------|---|------|---------|--|
|    |                        | chế chất thải và đề xuất các giải pháp cải tiến – tăng cường (trường hợp cụ thể Q.11)   |      |         |  |
| 2  | Đặng thị Kim Duyên     | N/c vai trò của truyền thông trong giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường và sức khỏe cộng đồng  | 2007 | Đại học |  |
| 3  | Thái Ngọc Giàu         | N/c thiết kế nhà máy sản xuất phân compost từ rác đã phân loại của Q.6  | 2007 | Đại học |  |
| 4  | Nguyễn thị Kim Hương   | Đánh giá hiện trạng ô nhiễm môi trường các khu du lịch tỉnh BR-VT. Đề xuất một số giải pháp xử lý ô nhiễm   | 2007 | Đại học |  |
| 5  | Dương Ngọc Lâm         | Đánh giá hiện trạng và đề xuất các giải pháp quản lý CTR Y tế tại tỉnh Bình Định  | 2007 | Đại học |  |
| 6  | Nguyễn Đoàn Thu        | N/c tối ưu hóa lộ trình thu gom, vận chuyển, trung chuyển CTRSH trên địa bàn 3 phường 14, 16, 18 của Q.4  | 2007 | Đại học |  |
| 7  | Nguyễn Văn Tuấn        | N/c xử lý nước thải sơ chế mũ cao su bằng phương pháp sinh học từng mẻ tại đồn điền cao su Tân Xuân   | 2007 | Đại học |  |
| 8  | Hồ Minh Vũ             | Tính toán thiết kế hệ thống XLNT cho công ty mỹ phẩm Vinacosmo, công suất 20 m <sup>3</sup> /ngày   | 2007 | Đại học |  |
| 9  | Mai thị Ánh Tuyết      | Thiết kế lò đốt rác thải cho nhà máy tiêu hủy chất thải công nghiệp và rác y tế tại bãi rác Thanh Sơn, Tp. Đà Nẵng  | 2008 | Đại học |  |
| 10 | Nông thị Thu Lê        | Hiện trạng ô nhiễm nguồn nước do nước thải của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh Cao Bằng, đề xuất một số phương án giải quyết   | 2008 | Đại học |  |
| 11 | Lưu Kim Ngân           | N/c hiện trạng ô nhiễm do nước thải chế biến thủy sản, đề xuất công nghệ xử lý thích hợp ứng dụng thiết kế hệ thống XLNT công suất 300 m <sup>3</sup> /ngày cho Cty CP XNK Bình Thuận | 2008 | Đại học |  |
| 12 | Nguyễn Công Quốc Phong | N/c thiết kế cải tạo hệ thống XLNT bệnh viện Thống Nhất đạt tiêu chuẩn xả vào nguồn tiếp nhận   | 2008 | Đại học |  |
| 13 | Lê thị Thùy Trang      | N/c thành phần, tính chất nước thải nhà máy tái chế giấy, cải tạo hệ thống XLNT nhà máy giấy Đông Phương, công suất 245 m <sup>3</sup> /ngày  | 2008 | Đại học |  |
| 14 | Phan thị Thanh Trâm    | Cải tạo hệ thống XLNT cho nhà máy sơ  | 2008 | Đại học |  |

|                          |                             |   |      |         |  |
|--------------------------|-----------------------------|---|------|---------|--|
|                          |                             | chế mũ cao su Xuân Lập, công suất 800 – 1300 m <sup>3</sup> /ngày   |      |         |  |
| 15                       | Lê Thanh Tuyền              | N/c ảnh hưởng về mặt môi trường của dự án bãi chôn lấp rác thuộc khu liên hợp Tây Bắc Củ Chi  | 2008 | Đại học |  |
| 16                       | Huỳnh Hữu Phước             | Thiết kế trạm XLNT giặt ủi công ty P.Dussman  | 2008 | Đại học |  |
| 17                       | Lise Van Long               | Contamination en métaux lourds d'une décharge de sédiments ở Hoá Chi Minh ville, Việt Nam   | 2000 | Đại học |  |
| 18                       | Jouni Ahtiainen             | Environmental chemicals and their risks   | 2009 | Đại học |  |
| <b>Hướng dẫn cao học</b> |                             |   |      |         |  |
| 1                        | Phạm Thị Thạch Trúc         | Nghiên cứu xác định hydrocarbon thơm đa vòng bằng kỹ thuật sắc ký lỏng cao áp - Ứng dụng phân tích mẫu không khí tại Tp.HCM                                   | 2001 | Thạc sỹ |  |
| 2                        | Hồ Minh Dũng                | Nghiên cứu, lựa chọn phương pháp xác định các hợp chất chlorophenol trong nước thải ngành SX giấy – đánh giá mức độ ô nhiễm và đề xuất một số biện pháp xử lý | 2002 | Thạc sỹ |  |
| 3                        | Đoàn Thanh Vũ               | Xác định hàm lượng PCDDs và PCDFs trong một số mẫu môi trường điển hình có khả năng ảnh hưởng đến sức khỏe con người tại miền Nam Việt Nam                    | 2004 | Thạc sỹ |  |
| 4                        | Cao Minh Ngọc               | Nghiên cứu “hiện tượng gió nóng và khô” trong xưởng cơ khí luyện kim tại Tp.  | 2009 | Thạc sỹ |  |
| 5                        | Đặng Thị Phương Mai         | Ứng dụng công nghệ Peroxone (O <sub>3</sub> /H <sub>2</sub> O <sub>2</sub> ) xử lý độ màu nước thải nhà máy giấy  | 2011 | Thạc sỹ |  |
| 6                        | Bùi Chí Nam                 | Nghiên cứu triển khai công nghệ xử lý nước thải sản xuất mũ cao su công suất 50 m <sup>3</sup> /ngày  | 2012 | Thạc sỹ |  |
| 7                        | Lê Hữu Quang                | N/c thực trạng ô nhiễm kim loại nặng trong đất vùng chuyên canh rau ở Tp. Đà Lạt – tỉnh Lâm Đồng và đề xuất các giải pháp xử lý, khắc phục.                   | 2011 | Thạc sỹ |  |
| 8                        | Hoàng Thị Ngọc Anh          | Ứng dụng công cụ đánh giá vòng đời (LCA) trong quản lý chất thải giấy và nhựa trên địa bàn Tp.HCM   | 2011 | Thạc sỹ |  |
| 9                        | Đinh Đức Anh                | N/c thăm dò khả năng xử lý nước thải nhà máy đường bằng hệ thống đất ngập nước nhân tạo dòng chảy ngầm có sự tham gia của sậy, vetiver và ráng đại            | 2012 | Thạc sỹ |  |
| 10                       | Trần Nguyễn Thị Hương Trang | N/c ứng dụng pp sinh học thiếu khí với vật liệu tiếp xúc dạng sợi chuyển động quay xử lý nước thải chế biến thủy sản  | 2012 | Thạc sỹ |  |
| 11                       | Hứa Bảo Trâm                | N/c nâng cao hiệu quả xử lý COD, độ màu trong công nghiệp SX cồn lỏng bằng quá trình oxy hóa nâng cao Peroxone  | 2012 | Thạc sỹ |  |
| 12                       | Lê Thị Mỹ Diệp              | N/c đề xuất biện pháp quản lý nước thải   | 2013 | Thạc sỹ |  |

|                      |                         |   |                 |         |  |
|----------------------|-------------------------|---|-----------------|---------|--|
|                      |                         | tại KCN Tịnh Phong, tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2012 – 2020   |                 |         |  |
| 13                   | Phan Văn Hiến           | Đánh giá thực trạng ô nhiễm – Nghiên cứu xử lý nước thải của ngành sản xuất mía đường tỉnh Quảng Ngãi bằng phương pháp oxy hóa bậc cao (cụ thể Nhà máy đường Phố Phong – tỉnh Quảng Ngãi) | 2013            | Thạc sỹ |  |
| 14                   | Pierre-François Szczech | Screening of Dioxin Contamination Around the Bien Hoa Airbase, Vietnam  | 2010            | Thạc sỹ |  |
| <b>Hướng dẫn NCS</b> |                         |   |                 |         |  |
| 1                    | Chu Văn Hải             | Nghiên cứu dư lượng chất độc PCDDs và PCDFs trong các thành phần của môi trường ở khu vực phía Nam Việt Nam   | Chưa tốt nghiệp | Tiến sỹ |  |
| 2                    | Đoàn Thanh Vũ           | Nghiên cứu đề xuất giải pháp tổng hợp ngăn ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường tại sông, kênh rạch trên địa bàn huyện Bình Chánh, Tp. Hồ Chí Minh.                                      | Chưa tốt nghiệp | Tiến sỹ |  |

### III. CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

#### 1. Sách

##### 1.1 Sách xuất bản Quốc tế

| TT | Tên sách | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Nhà xuất bản | Năm xuất bản | Tác giả/ đồng tác giả | Bút danh |
|----|----------|--|--------------|--------------|-----------------------|----------|
| 1  |          |  |              |              |                       |          |
| 2  |          |  |              |              |                       |          |

##### 1.2. Sách xuất bản trong nước

| TT | Tên sách                  | Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số) | Nhà xuất bản    | Năm xuất bản | Tác giả/ đồng tác giả  | Bút danh |
|----|---------------------------|--|-----------------|--------------|--|----------|
| 1  | Kỹ thuật môi trường       |  | NXB ĐHQG Tp.HCM |              | Đồng tác giả Chương 6, trang 189-280; Chương 13, trang 609-666 |          |
| 2  | Hóa học nước và nước thải |  | NXB ĐHQG Tp.HCM |              | Chủ biên   |          |
| 3  | Con người và môi trường   |  | NXB ĐHQG Tp.HCM |              | Đồng tác giả Chương 9, trang 694-786                           |          |
| 4  | Từ điển môi trường        |  | NXB ĐHQG Tp.HCM |              | Đồng tác giả   |          |

#### 2. Các bài báo

2.1. Đăng trên tạp chí Quốc tế

| <i>TT</i> | <i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>  | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> | <i>Số hiệu ISSN (ghi rõ thuộc ISI hay không)</i> | <i>Điểm IF</i> |
|-----------|---|---|--|----------------|
| 1         | <b>Tuan Anh Mai</b> , Thanh Vu Doan, Joseph Tarradellas, Luiz Felipe de Alencastro, and Dominique Grandjean. Dioxin Contamination in Soils of Southern Vietnam. <i>Chemosphere</i> 67 (9): 1802 – 1807, <b>2007</b>   |   | 0045- 6535                                       | <b>3.137</b>   |
| 2         | <b>M. T. Anh</b> , L. M. Triet, J. J-Sauvain, J. Tarradellas. Bulletin of Environmental Contamination and Toxicology 63: 728 – 735, <b>1999</b>   |   | 0007- 4861                                       | <b>1.105</b>   |
| 3         | <b>Mai Tuan Anh</b> , Lan Chi Do Hong, Ngoc Vinh Nguyen, Cam Loan Tu Thi, Triet Lam Minh, Kristinn Becker-Van Slooten, and Joseph Tarradellas. Micropollutants in the Sediment of Saigon-Dongnai River: Situation and Ecological Risk. <i>Chimia</i> 57 (9): 537-541, <b>2003</b> |   | 0009- 4293                                       | <b>1.045</b>   |

2.2. Đăng trên tạp chí trong nước

| <i>TT</i> | <i>Tên tác giả, tên bài viết, tên tạp chí và số của tạp chí, trang đăng bài viết, năm xuất bản</i>   | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> | <i>Số hiệu ISSN</i> | <i>Ghi chú</i> |
|-----------|--|---|---------------------|----------------|
| 1         | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Đoàn Thanh Vũ, Nguyễn Quốc Bảo. Nghiên cứu ứng dụng thảm nổi thực vật lai hợp đa chức năng (MVFI) phục hồi nước mặt bị ô nhiễm. Tạp chí khoa học và công nghệ - Viện Khoa Học Công Nghệ Việt Nam 50 (4A): 89-96, 2012  |   | 0866-708X           |                |
| 2         | <b>Mai Tuấn Anh</b> . PCDD/Fs level in human adipose tissue of Bienhoa residents in comparison with developed industrial countries. Tạp chí phát triển khoa học và công nghệ - ĐHQG Tp.HCM 14 (M1): 93-107, <b>2011</b>  |   | 1805-0128           |                |
| 3         | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Chu Vân Hải. Quan trắc tồn dư Dioxin khu vực xung quanh sân bay Biên Hòa. Tạp chí phát triển khoa học và công nghệ - ĐHQG Tp.HCM 15 (M1): 5-16, <b>2012</b>  |   | 1805-0128           |                |
| 4         | Lê Hữu Quang, <b>Mai Tuấn Anh</b> . Ô nhiễm kim loại nặng trong đất trồng rau tại Đà Lạt: thực trạng và giải pháp. Tạp chí khoa học và công nghệ - Viện Khoa Học Công Nghệ Việt Nam 50 (4A): 65-72, <b>2012</b>  |   | 0866-708X           |                |
| 5         | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Chu Vân Hải, Vũ Hán Giang, Huỳnh Thị Mỹ Linh. Phát thải PCDD/Fs từ các lò đốt chất thải nguy hại ở Miền Nam Việt Nam. Tạp chí khoa học và công nghệ - Viện Khoa Học Công Nghệ Việt Nam 50 (4A): 250-261, <b>2012</b>   |   | 0866-708X           |                |
| 6         | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Đoàn Thanh Vũ. Ô nhiễm Dioxin tại khu vực sân bay Biên Hòa và vùng lân cận (hồ Biên Hùng) – nguồn và loại hình ô nhiễm. Bảo vệ môi trường & phát triển bền vững – Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam (VACNE) – NXB Khoa học và Kỹ thuật: 449-460, <b>2008</b> |   |                     |                |

2.3. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị Quốc tế

| <i>TT</i> | <i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> | <i>Số hiệu ISBN</i> | <i>Ghi chú</i> |
|-----------|--|---|---------------------|----------------|
|-----------|--|---|---------------------|----------------|

|   |   |  |           |  |
|---|---|--|-----------|--|
| 1 | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Jean-Jacques Sovain, Joseph Tarradellas, Dominique Grand-Jean. PAHs Contamination in Hochiminh City, Vietnam. Conference of the International Society on Polycyclic Aromatic Compounds – Bordeaux, France, October 25 – 29, <b>1999</b> .                                   |  | 1040-6638 |  |
| 2 | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Jean-Jacques Sovain, Joseph Tarradellas, Dominique Grand-Jean. PAHs Contamination Levels in Air Particles of Ho Chi Minh City, Viet Nam. 30th Annual International Symposium on Environmental Analytical Chemistry (ISEAC 30), Helsinki, Finland, June 13 – 16, <b>2000</b> |  |           |  |
| 3 | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Đoàn Thanh Vũ, Lâm Minh Triết, Joseph Tarradellas, Felipe DeAlancastról, Dominique Grand-Jean. Dioxin Contamination in the soil - South of Vietnam. Dioxin2004, Berlin, Germany, September 6-10, <b>2004</b>  |  | 1026-4892 |  |
| 4 | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Đoàn Thanh Vũ, Joseph Tarradellas, Felipe DeAlancastról, Dominique Grand-Jean. Dioxin Contamination in soils of Southern Vietnam. 3rd Asian Pacific Inter. Conference on Pollutans Analysis and Control - Bangkok December 12 – 15, <b>2005</b>                             |  |           |  |
| 5 | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Đoàn Thanh Vũ, Joseph Tarradellas, Felipe DeAlancastról. Dioxins Contamination at Bien Hoa Airforce base and Surrounding area - Sources and Patterns. Dioxin2006, Oslo, Norway, August 21 – 25, <b>2006</b>   |  | 1026-4892 |  |
| 6 | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Chu Vân Hải. Dioxin monitoring in southern Vietnam: Situation and Challenges. Dioxin2013, Daegu, Korea, August 26-30, <b>2013</b>   |  | 1026-4892 |  |

*2.4. Đăng trên kỷ yếu Hội nghị trong nước*

| <i>TT</i> | <i>Tên tác giả, tên bài viết, tên Hội nghị, thời gian tổ chức, nơi tổ chức</i>   | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> | <i>Số hiệu ISBN</i> | <i>Ghi chú</i> |
|-----------|--|---|---------------------|----------------|
| 1         | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Joseph Tarradellas, Felipe DeAlancastról. Dioxin Contamination in Vietnam. 2nd Asian Pacific International Conference on Pollutans Analysis and Control, Tp.HCM, Vietnam, December 1-3, <b>2003</b>  |   |                     |                |
| 2         | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Nguyễn Ngọc Vinh. Đánh giá sơ bộ mức độ ô nhiễm TBVTV họ Clo hữu cơ và Phospho hữu cơ trên lưu vực sông Sài Gòn – Đồng Nai. Asem Conference on Bioremediation September 24 – 27, Hanoi, Viet Nam, <b>2002</b>                                  |   |                     |                |
| 3         | <b>Mai Tuấn Anh</b> . Các kết quả bước đầu triển khai nghiên cứu Dioxin tại Viện Môi trường và Tài nguyên. Hội thảo khoa học “Nghiên cứu Dioxin và các vấn đề có liên quan ở các tỉnh phía Nam”, Viện MT&TN, 6/8/ <b>2004</b>  |   |                     |                |
| 4         | <b>Mai Tuấn Anh</b> . Ô nhiễm kim loại nặng trong nước và bùn lắng của hệ thống sông Sài Gòn – Đồng Nai: Những kết quả nghiên cứu bước đầu. Hội nghị phân tích KLN tại Viện MT&TN, <b>2000</b>   |   |                     |                |
| 5         | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Lâm Minh Triết. Bảo vệ môi trường trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa (trường hợp cụ thể ở Tp.HCM và các vùng lân cận). Hội thảo Khoa học, Công nghệ Thực phẩm và Bảo vệ môi trường lần thứ 1 – Đại học Bách Khoa TP. HCM, <b>2000</b> |   |                     |                |
| 6         | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Lâm Minh Triết. Hiện trạng môi trường nước mặt vùng Đông Nam Bộ. Hội nghị Khoa học – Công nghệ và  |   |                     |                |

|    |  |  |  |  |
|----|--|--|--|--|
|    | Môi trường, Bình Thuận, <b>2000</b>  |  |  |  |
| 7  | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Lâm Minh Triết. Kỹ thuật Môi trường phục vụ cho phát triển bền vững. Hội nghị Môi trường & Phát triển Bền Vững – Huế, <b>2001</b>  |  |  |  |
| 8  | <b>Mai Tuấn Anh</b> . Công nghệ xử lý nước ngầm phục vụ cho Chương trình quốc gia “Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn” khu vực ngoại thành TPHCM và các tỉnh phía Nam. Hội thảo môi trường – Khoa Địa chất và Dầu Khí, ĐHBK Tp.HCM, <b>2001</b>   |  |  |  |
| 9  | <b>Mai Tuấn Anh</b> . Ứng dụng công cụ kinh tế để kiểm soát phát thải khí nhà kính. Hội thảo: “Phương pháp luận nghiên cứu và đánh giá diễn biến tài nguyên môi trường Vùng Kinh tế Trọng Điểm Phía Nam dưới góc độ kinh tế và kỹ thuật” – Viện Môi trường và Tài nguyên, <b>2001</b>                        |  |  |  |
| 10 | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Lâm Minh Triết. Hoạt động của trạm quan trắc môi trường quốc gia vùng III – TP.Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng bằng Sông Cửu Long. Hội thảo khoa học ĐBSCL – Long An, <b>2003</b>   |  |  |  |
| 11 | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Đoàn Thanh Vũ, Nguyễn Quốc Bảo. Công nghệ đảo nổi sinh thái – sử dụng đảo nổi thực vật hỗn hợp làm sạch hồ, tạo cảnh quan và hệ sinh thái đa dạng. 3rd International Conference on Environment and Natural Resources (ICENR 2012), Hochiminh City, Vietnam, December 4 -5, <b>2012</b> |  |  |  |
| 12 | <b>Mai Tuấn Anh</b> . Bottom ash of municipal solid waste incinerator (MSWI) - a big concern of PCDD/Fs source for environment. 1st International Conference on Environment and Natural Resources (ICENR 2008), Hochiminh City, Việt Nam March 17 – 18, <b>2008</b>  |  |  |  |
| 13 | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Nguyễn Hồng Quân, Đào Thanh Sơn. Giải pháp tổng hợp nhằm bảo vệ và phục hồi chất lượng nước Hồ Xuân Hương. Hội thảo: Các giải pháp xử lý bền vững ô nhiễm Hồ Xuân Hương, Đà Lạt 4/ <b>2012</b>   |  |  |  |
| 14 | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Ngô Thụy Phương Hiếu. Monitoring of dioxin residue in Southern provinces of Vietnam: reality and challenges. 2nd International Conference on Environment and Natural Resources (ICENR 2010), Hochiminh City, Vietnam, December 2 -3, <b>2010</b>                                       |  |  |  |
| 15 | <b>Mai Tuấn Anh</b> , Đoàn Thanh Vũ, Joseph Tarradellas, Felipe DeAlancastrol. Ô nhiễm Dioxin tại khu vực sân bay Biên Hòa và vùng lân cận (Hồ Biên Hùng) – Nguồn và loại hình ô nhiễm. Báo cáo tóm tắt “Phát hiện một số điểm nóng mới, ô nhiễm chất da cam/Dioxin ở Nam Việt Nam”, Hà Nội, <b>2006</b>     |  |  |  |
| 16 | Mai Tuấn Anh. Tồn dư Dioxin trong đất khu vực sân bay Biên Hòa. Kỹ yếu hội thảo: Hóa chất bảo vệ thực vật – thách thức trong sản xuất nông nghiệp và sức khỏe cộng đồng, Dự án giáo dục ĐH 2, ĐH Nông nghiệp, Hà Nội, 11/ <b>2011</b>  |  |  |  |

#### IV. CÁC GIẢI THƯỞNG

##### 1. Các giải thưởng Khoa học và Công nghệ

| <i>TT</i> | <i>Tên giải thưởng</i> | <i>Nội dung giải thưởng</i> | <i>Nơi cấp</i> | <i>Năm</i> |
|-----------|------------------------|-----------------------------|----------------|------------|
|-----------|------------------------|-----------------------------|----------------|------------|

|   |                            |   |                   |            |
|---|----------------------------|---|-------------------|------------|
|   |                            |   |                   | <i>cấp</i> |
| 1 | Bằng khen                  | Đã có thành tích trong công tác N/c, thẩm định các dự án góp phần xây dựng và phát triển Khu Công nghệ cao Tp.HCM   | UBND<br>Tp.HCM    | 2012       |
| 2 | Đề xuất của Sở TNMT Tp.HCM | tặng bằng khen đóng góp tích cực cho công tác BVMT Tp.HCM – đề xuất giải pháp xử lý đất nhiễm TBVTV đảm bảo an toàn triệt để cho dự án đường nối Tân Sơn Nhất – Bình Lợi - Vành đai ngoài (tiết kiệm chi phí hàng chục tỷ đồng) | Sở TNMT<br>Tp.HCM | 2013       |

## 2. Bằng phát minh, sáng chế (patent)

| <i>TT</i> | <i>Tên bằng</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> | <i>Số hiệu</i> | <i>Năm cấp</i> | <i>Nơi cấp</i> | <i>Tác giả/ đồng tác giả</i> |
|-----------|-----------------|---|----------------|----------------|----------------|------------------------------|
|-----------|-----------------|---|----------------|----------------|----------------|------------------------------|

## 3. Bằng giải pháp hữu ích

| <i>TT</i> | <i>Tên giải pháp</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> | <i>Số hiệu</i> | <i>Năm cấp</i> | <i>Nơi cấp</i> | <i>Tác giả/ đồng tác giả</i> |
|-----------|----------------------|---|----------------|----------------|----------------|------------------------------|
|-----------|----------------------|---|----------------|----------------|----------------|------------------------------|

## 4. Ứng dụng thực tiễn và thương mại hoá kết quả nghiên cứu

| <i>TT</i> | <i>Tên công nghệ/ giải pháp hữu ích đã chuyển giao</i> | <i>Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng</i> | <i>Năm chuyển giao</i> | <i>Sản phẩm của đề tài/ dự án (chỉ ghi mã số)</i> |
|-----------|--|---|------------------------|---|
|-----------|--|---|------------------------|---|

## V. THÔNG TIN KHÁC

### 1. Tham gia các chương trình trong và ngoài nước

| <i>TT</i> | <i>Thời gian</i> | <i>Tên chương trình</i> | <i>Chức danh</i> |
|-----------|------------------|-------------------------|------------------|
|-----------|------------------|-------------------------|------------------|

### 2. Tham gia các Hiệp hội Khoa học, Ban biên tập các tạp chí Khoa học, Ban tổ chức các Hội nghị về KH&CN

| <i>TT</i> | <i>Thời gian</i> | <i>Tên Hiệp hội/ Tạp chí/ Hội nghị</i> | <i>Chức danh</i> |
|-----------|------------------|--|------------------|
| 1         | Từ 2006          | Hội Nước và Môi trường                 | Thành viên       |
| 2         | Từ 2006          | Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường   | Thành viên       |

### 3. Tham gia làm việc tại Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu theo lời mời

| <i>TT</i> | <i>Thời gian</i> | <i>Tên Trường Đại học/ Viện/ Trung tâm nghiên cứu</i> | <i>Nội dung tham gia</i> |
|-----------|------------------|---|--------------------------|
|-----------|------------------|---|--------------------------|

Ngày ... tháng ... năm .....

**Người khai**  
(Họ tên và chữ ký)

